

-(으)ㄹ 법하다

hoàn toàn có thể, nghe hợp lý

Cho biết điều gì đó đáng tin dựa trên những gì bạn biết. Có chung 법 với -(으)ㄹ/는 법이다 nhưng làm một việc hoàn toàn khác.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄹ 법하다	그러다 → 그럴 법해요
Kết thúc bằng phụ âm	-을 법하다	있다 → 있을 법해요
Kết thúc bằng ㄹ	không thêm gì	만들다 → 만들 법해요
Trước danh từ	-(으)ㄹ 법한	있을 법한 이야기
Thường đi cùng	충분히	충분히 그럴 법해요
Nghĩa khác	법이다 / 만하다	규 luật / đáng để làm

Khi nào dùng

Cách kết hợp theo quy tắc chuẩn với dạng ngắn cho ㄹ: 만들다 thành 만들 법하다.

Nó đánh giá điều gì đó là hợp lý, đáng tin chứ không phải có khả năng cao: 충분히 있을 법한 이야기예요 — chuyện đó hoàn toàn có thể tin được. Nó thường đi cùng 충분히 hoặc 그럴.

Dạng bổ nghĩa -(으)ㄹ 법한 là hình thức phổ biến hơn: 있을 법한 이야기, 나올 법한 질문.

Có hai dạng gần giống cần tách bạch. 법이다 nêu một quy luật chung; 법하다 đánh giá một khả năng. Còn -(으)ㄹ 만하다, trông giống, có nghĩa là “đáng để làm.”

Ví dụ trong câu

- 1** 충분히 있을 법한 이야기예요.
Đó là câu chuyện hoàn toàn đáng tin.
- 2** 그 사람이라면 그럴 법해요.
Anh ấy nói vậy thì cũng hợp lý thôi.
- 3** 시험에 나올 법한 문제를 골라 봤어요.
Tôi đã chọn ra những câu hỏi có thể xuất hiện.
- 4** 누구나 한 번쯤 겪을 법한 일이에요.
Đó là chuyện ai cũng có thể trải qua một lần.
- 5** 집에서도 만들 법한 요리네요.
Món đó trông có vẻ tự làm ở nhà được.
- 6** 화가 날 법도 하죠.
Anh ấy giận cũng là điều dễ hiểu.

So sánh với

-(으)ㄹ/는 법이다
Cùng danh từ, chức năng ngược nhau. 법이다 khẳng định sự việc luôn diễn ra như thế nào; 법하다 đánh giá một trường hợp là đáng tin.
실수하는 법이다. (người ta luôn mắc lỗi) / 실수할 법해요. (anh ấy mắc lỗi cũng dễ hiểu)

-(으)ㄹ 만하다
Dễ nhầm vì hình thức. 만하다 đánh giá giá trị hoặc mức chấp nhận được; 법하다 đánh giá tính hợp lý.
볼 만해요. (đáng xem) / 있을 법해요. (đáng tin)

-(으)ㄹ 것 같다
것 같다 dự đoán điều sẽ xảy ra; 법하다 chấp nhận rằng điều gì đó có thể như vậy. Một cái dự báo, một cái thừa nhận.
비가 올 것 같아요. (tôi đoán sẽ mưa) / 그럴 법해요. (cũng có thể lắm)

Lưu ý

- ✗ 집에서 만들 법해요.**
○ 집에서 만들 법해요.
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ đã có sẵn ㄹ, giống như 만들 거예요 và 만들 만해요.
- ✗ 그 영화는 볼 법해요. — với ý “đáng xem”**
○ 그 영화는 볼 만해요.
법하다 đánh giá tính hợp lý, không phải giá trị. Để giới thiệu, từ cần dùng là 만하다.
- ✗ 사람은 누구나 실수할 법하다. — với nghĩa quy luật chung**
○ 사람은 누구나 실수하는 법이다.
Để nêu điều phổ quát, dạng đúng là 법이다. 법하다 nhận xét về một trường hợp cụ thể có thể xảy ra.